

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 13 tháng 03 năm 2013.

Tên giao dịch tiếng Anh: Petrolimex Haiphong Transportation and Services Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PTS Hai Phong

Trụ sở chính của Công ty: Số 16 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu PTS.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Trọng Thùy	Thành viên
	Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Thùy	Tổng Giám đốc
	Ông Đào Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ .

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Trọng Thủy
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 được lập ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2013-133-1
Thay mặt và đại diện

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2013-133-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hoạt động giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		53.725.705.895	56.122.691.147
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.133.834.906	1.813.863.733
1. Tiền	111	5.1	2.133.834.906	1.813.863.733
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.829.655.457	32.205.756.216
1. Phải thu khách hàng	131		9.288.920.604	11.195.595.853
2. Trả trước cho người bán	132	5.2	14.498.856.736	14.542.266.736
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	5.041.878.117	6.467.893.627
IV- Hàng tồn kho	140		20.343.225.006	19.709.791.445
1. Hàng tồn kho	141	5.4	20.343.225.006	19.709.791.445
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.418.990.526	2.393.279.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	134.301.150	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		141.297.657	117.153.480
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.6	1.829.660.219	1.789.626.272
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	313.731.500	486.500.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		70.507.542.555	72.039.345.997
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		42.701.000	42.701.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(42.701.000)	(42.701.000)
II Tài sản cố định	220		56.922.808.222	57.786.498.108
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	53.459.289.038	56.541.741.180
- Nguyên giá	222		97.170.169.699	96.322.960.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.710.880.661)	(39.781.219.275)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	3.463.519.184	1.244.756.928
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	4.225.941.723	4.188.929.732
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.225.941.723	4.188.929.732
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.358.792.610	10.063.918.157
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	9.110.741.077	9.779.898.316
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	240.551.533	276.519.841
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		124.233.248.450	128.162.037.143

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hoạt động giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.644.945.376	49.413.778.423
I- Nợ ngắn hạn	310		49.644.945.376	49.413.778.423
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	3.500.000.000	6.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		12.476.855.786	13.549.678.430
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	28.615.007.549	25.529.006.580
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	349.232.439	427.678.494
5. Phải trả người lao động	315		2.231.895.703	1.390.492.741
6. Chi phí phải trả	316	5.16	460.037.081	12.527.777
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.17	1.388.594.319	1.260.830.301
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		623.322.499	743.564.100
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		74.588.303.074	78.748.258.720
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	74.588.303.074	78.748.258.720
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.680.000.000	55.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.024.502.460
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.013.122.301	15.013.122.301
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.684.066.865	3.684.066.865
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.813.388.552)	(1.653.432.906)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		124.233.248.450	128.162.037.143

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Chỉ tiêu	TM	30/6/2013	01/01/2013
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		162.590.000	28.380.000

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hoạt động giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		132.415.557.604	140.133.000.242
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	132.415.557.604	140.133.000.242
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	129.727.864.200	133.907.659.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.687.693.404	6.225.341.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	18.430.144	34.586.290
7. Chi phí tài chính	22	5.23	261.618.056	559.459.174
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>261.618.056</i>	<i>805.581.184</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.257.647.747	1.281.943.074
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.326.183.934	6.154.303.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(4.139.326.189)	(1.735.778.376)
11. Thu nhập khác	31		81.073.126	37.079.545
12. Chi phí khác	32		319.746.265	7.500.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	(238.673.139)	29.579.545
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		114.513.992	182.348.955
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(4.263.485.336)	(1.523.849.876)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	521.870
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(83.513.262)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(4.263.485.336)	(1.440.858.484)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	(766)	(259)

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.263.485.336)	(1.523.849.876)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.973.365.320	4.111.736.449
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.756.697.684)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.430.144)	(280.708.300)
- Chi phí lãi vay	06		261.618.056	805.581.184
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(46.932.104)	1.356.061.773
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.881.697.779	1.280.912.417
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(634.203.088)	1.260.441.279
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.898.944.174	(2.018.634.435)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		638.582.098	299.055.506
- Tiền lãi vay đã trả	13		(261.618.056)	(805.581.184)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(95.492.780)	(264.679.975)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		81.073.126	37.079.545
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(388.858.224)	(678.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.073.192.925	466.654.926
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.771.651.896)	(1.981.550.187)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(100.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.430.144	34.586.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.753.221.752)	(2.046.963.897)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.500.000.000	9.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.500.000.000)	(4.030.047.469)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.998.357.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.000.000.000)	(1.028.404.701)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		319.971.173	(2.608.713.672)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.813.863.733	5.109.681.969
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	2.133.834.906	2.500.968.297

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09a - DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà – một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 020300035 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 13/3/2013 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 55.680.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.839.680	28.396.800.000	51%
Các cổ đông khác	2.728.320	27.283.200.000	49%

Cộng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Khí hóa lỏng (gas), xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải thủy
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý khí hóa lỏng (gas)
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Nhà đất, cảng biển, kho bãi
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Sắt, thép
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga (LPG chai), than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là kinh doanh xăng dầu; đóng mới, sửa chữa tàu và dịch vụ vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Việc áp dụng Thông tư 45 yêu cầu tiêu thức ghi nhận tài sản cố định là là các tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên và phân loại lại các loại tài sản cố định có nguyên giá thấp hơn 30 triệu đồng sang theo dõi như công cụ xuất dùng. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính theo ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>06 tháng đầu</u> <u>năm 2013</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 14
Dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá bán các mặt hàng xăng dầu trong năm do Nhà nước quy định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều

kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	480.906.372	123.388.195
Tiền gửi ngân hàng	1.652.928.534	1.690.475.538
Tổng	2.133.834.906	1.813.863.733

5.2 Trả trước cho người bán

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	165.520.002	232.660.002
Hoạt động dịch vụ, sửa chữa	10.468.336.734	10.474.606.734
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	3.865.000.000	3.835.000.000
Tổng	14.498.856.736	14.542.266.736

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	310.067.365
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sông Tranh-Tiền thiếu hàng do đâm và tàu	131.182.827	131.182.827
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	-	863.579.231
Phải thu vận tải bộ	-	4.596.966
Phải thu của các tàu vận tải thủy (*)	2.803.520.349	3.963.361.310
Phải thu của các tàu vận tải biển (*)	683.024.298	589.144.085
Phải thu về tạm ứng tiền lương	1.270.273.453	489.545.396
Phải thu khác	153.877.190	116.416.447
Tổng	5.041.878.117	6.467.893.627

(*): Là các khoản chi phí thường xuyên của tàu mà Công ty cấp cho các tàu để các tàu duy trì hoạt động, chủ yếu là chi phí nhiên liệu.

5.4 Hàng tồn kho

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.902.973.199	3.120.560.661
Công cụ, dụng cụ	51.166.133	45.331.984
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Dự án Bất động sản nhà Đông Hải)	14.871.691.822	14.438.740.453
Hàng hoá	2.517.393.852	2.105.158.347
Tổng	20.343.225.006	19.709.791.445

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Tăng trong kỳ	213.319.000
Giảm trong kỳ	79.017.850
Tại ngày 30 tháng 6	134.301.150

Chi tiết theo nội dung

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí thuê đất	134.301.150	-
Tổng	134.301.150	-

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	446.611.352	446.611.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.369.439.921	1.338.871.864
<i>Trong đó: Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ nộp tiền của Dự án Đông Hải</i>	<i>236.760.492</i>	<i>206.192.435</i>
Thuế thu nhập cá nhân	13.608.946	2.143.056
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	2.000.000
Tổng	1.829.660.219	1.789.626.272

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	310.731.500	483.500.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng	313.731.500	486.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2013	17.337.615.101	5.030.977.953	72.002.965.431	1.660.847.546	290.554.424	96.322.960.455
Tăng trong kỳ	78.334.315	-	812.578.863	-	-	890.913.178
Mua trong kỳ	-	-	37.992.750	-	-	37.992.750
XDCB hoàn thành	78.334.315	-	774.586.113	-	-	852.920.428
Giảm trong kỳ	43.703.934	-	-	-	-	43.703.934
Thanh lý tài sản	43.703.934	-	-	-	-	43.703.934
Số dư tại 30/6/2013	17.372.245.482	5.030.977.953	72.815.544.294	1.660.847.546	290.554.424	97.170.169.699
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2013	4.257.447.291	3.349.216.358	31.085.343.014	906.260.389	182.952.223	39.781.219.275
Tăng trong kỳ	517.175.655	194.195.757	3.105.718.097	126.959.967	29.315.844	3.973.365.320
Khấu hao trong kỳ	517.175.655	194.195.757	3.105.718.097	126.959.967	29.315.844	3.973.365.320
Giảm trong kỳ	43.703.934	-	-	-	-	43.703.934
Thanh lý tài sản	43.703.934	-	-	-	-	43.703.934
Số dư tại 30/6/2013	4.730.919.012	3.543.412.115	34.191.061.111	1.033.220.356	212.268.067	43.710.880.661
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2013	13.080.167.810	1.681.761.595	40.917.622.417	754.587.157	107.602.201	56.541.741.180
Tại 30/6/2013	12.641.326.470	1.487.565.838	38.624.483.183	627.627.190	78.286.357	53.459.289.038

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

6.158.916.377

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

5.393.291.258

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.244.756.928
Tăng trong kỳ	5.603.949.839
Giảm trong kỳ	3.385.187.583
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	885.965.446
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	1.932.839.191
<i>Giảm khác</i>	566.382.946
Tại ngày 30 tháng 06	3.463.519.184

Chi tiết theo nội dung:

	30/06/2012 VND	01/01/2013 VND
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	302.175.288	302.175.288
Chi phí xây dựng triển đà	6.372.967	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	322.119.703	399.317.654
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.832.851.226	536.891.019
Tổng	3.463.519.184	1.244.756.928

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	310.000	4.225.941.723	310.000	4.188.929.732
<i>Cty CP Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng(*)</i>	<i>310.000</i>	<i>4.225.941.723</i>	<i>310.000</i>	<i>4.188.929.732</i>

(*) Chi tiết khoản góp vốn vào Công ty liên kết:

Công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải hàng hóa thủy, bộ; môi giới và đại lý hàng hải, đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng	12,90%	4.225.941.723	4.188.929.732

Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	9.779.898.316
Tăng trong kỳ	1.962.860.424
Giảm trong kỳ	2.632.017.663
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>2.632.017.663</i>
Tại ngày 30 tháng 06	<u>9.110.741.077</u>

Chi tiết theo nội dung

	30/6/2012 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ	176.999.293	330.429.333
Chi phí sửa chữa lớn	8.869.105.146	9.449.468.983
Chi phí khác	64.636.638	-
Tổng	<u>9.110.741.077</u>	<u>9.779.898.316</u>

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc phát sinh lãi của các giao dịch nội bộ	240.551.533	276.519.841
Tổng	<u>240.551.533</u>	<u>276.519.841</u>

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	3.500.000.000	6.500.000.000
Ngân hàng Công thương Ngô Quyền	3.500.000.000	6.500.000.000
Tổng	<u>3.500.000.000</u>	<u>6.500.000.000</u>

Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTĐHM/2012 ngày 20/07/2012.

Tổng giới hạn tín dụng 20.000.000.000 đồng

Trong đó:

Giới hạn cho vay: 20.000.000.000 đồng

Giới hạn bảo lãnh: 10.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Thanh toán chi phí hợp lý phục vụ cho mục đích kinh doanh xăng dầu và vận tải thủy

Thời hạn vay: Thời hạn không quá 3 tháng cho từng giấy nhận nợ

Lãi suất thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng 12%/năm

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích 17.500 m² và 11.949,79 m² đất thuê 30 năm của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại 61 Ngô Quyền, tàu PTS HP 01.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo 26.784.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	1.844.691.101	472
Hoạt động dịch vụ sửa chữa	15.721.439.023	14.654.774.698
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	11.048.877.425	10.874.231.410
Tổng	28.615.007.549	25.529.006.580

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	245.752.401	276.281.102
Thuế thu nhập cá nhân	79.038	101.379.392
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	103.401.000	50.018.000
Tổng	349.232.439	427.678.494

5.16 Chi phí phải trả

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay phải trả	4.166.667	12.527.777
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	402.670.414	-
Chi phí phải trả khác	53.200.000	-
Tổng	460.037.081	12.527.777

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	788.210.934	767.855.818
Bảo hiểm xã hội	129.199.090	-
Bảo hiểm y tế	47.347.301	108.027.548
Bảo hiểm thất nghiệp	28.587.127	49.417.032
Phải trả, phải nộp khác	395.249.867	335.529.903
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>	<i>99.115.410</i>	<i>99.115.410</i>
<i>Tiền thưởng của TCT</i>	<i>9.300.000</i>	<i>9.300.000</i>
<i>Tiền thừa hàng</i>	<i>54.990.040</i>	<i>54.990.040</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>231.844.417</i>	<i>172.124.453</i>
Tổng	1.388.594.319	1.260.830.301

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Biên động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2012	55.680.000.000	6.024.502.460	13.633.915.177	3.098.213.858	13.095.242.096	91.531.873.591
Tăng trong năm	-	-	1.379.207.124	585.853.007	(2.242.876.431)	(277.816.300)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(2.242.876.431)	(2.242.876.431)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.379.207.124	585.853.007	-	1.965.060.131
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.505.798.571	12.505.798.571
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	3.365.060.131	3.365.060.131
Chia cổ tức	-	-	-	-	8.352.000.000	8.352.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	788.738.440	788.738.440
Số dư ngày 31/12/2012	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	(1.653.432.906)	78.748.258.720
Số dư ngày 01/01/2013	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	(1.653.432.906)	78.748.258.720
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(4.159.955.646)	(4.159.955.646)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(4.263.485.336)	(4.263.485.336)
Tăng khác	-	-	-	-	103.529.690	103.529.690
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2013	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	(5.813.388.552)	74.588.303.074

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	28.396.800.000	28.396.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	27.283.200.000	27.283.200.000
Tổng	55.680.000.000	55.680.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.568.000	5.568.000
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.568.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.568.000	5.568.000
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.568.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)	10.000	10.000

5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ 01/01/2013	từ 01/01/2012
	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	87.452.820.949	85.257.808.436
Doanh thu dịch vụ vận tải	36.684.824.178	43.106.874.928
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	8.193.094.293	8.528.053.055
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	2.907.164.503
Doanh thu bán vật tư	-	213.508.409
Doanh thu dịch vụ khác	84.818.184	119.590.911
Tổng	132.415.557.604	140.133.000.242

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5. 20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	85.912.641.623	83.283.936.939
Giá vốn dịch vụ vận tải	36.631.043.823	41.462.385.232
Giá vốn sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	7.129.672.503	6.928.297.439
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	1.978.315.200
Giá vốn bán vật tư	-	211.000.313
Giá vốn dịch vụ khác	54.506.251	43.723.998
Tổng	129.727.864.200	133.907.659.121

5. 21 Doanh thu tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.430.144	20.536.290
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	14.050.000
Tổng	18.430.144	34.586.290

5. 22 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	261.618.056	805.581.184
Chi phí tài chính khác	-	(246.122.010)
<i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	1.510.079.821
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	(1.756.697.684)
Chi phí tài chính khác	-	495.853
Tổng	261.618.056	559.459.174

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

5. 23 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu nhập khác	81.073.126	37.079.545
Bồi thường bảo hiểm thân tàu PTSHP01	81.073.126	37.079.545
Chi phí khác	319.746.265	7.500.000
Phạt thuế	147.815.362	-
Nộp tiền phạt do kê khai sai	103.969.119	-
Chi phí khác	67.961.784	7.500.000
Lợi nhuận khác	(238.673.139)	29.579.545

5. 24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(4.263.485.336)	(1.440.858.484)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	(4.263.485.336)	(1.440.858.484)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.568.000	5.568.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(766)	(259)

5. 25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.124.084.998	30.751.208.624
Chi phí nhân công	12.283.793.164	10.876.943.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.973.365.320	4.112.059.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.294.036.739	3.382.363.399
Chi phí khác bằng tiền	6.948.689.067	11.268.465.997
Tổng	53.623.969.288	60.391.041.027

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	154.644.342	334.000.000
Lương Ban Giám đốc	429.156.731	584.282.750

Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

6.1 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh vận tải, kinh doanh Bất động sản, dịch vụ sửa chữa tàu và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, cho thuê nhà, đất chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2012*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	4.264.104.611	39.703.090.408	-	923.973.898	2.542.205.938	47.433.374.855
Xây dựng cơ bản dở dang	806.036.192	5.366.949.588	-	-	-	6.172.985.780
Các khoản phải thu	4.256.989.011	8.826.497.385	4.823.996.865	13.513.903.368	66.000.000	31.487.386.629
Hàng tồn kho	3.529.578.550	1.670.924.580	8.280.831.653	6.438.169.919	2.910.512	19.922.415.214
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	30.420.627.341
Tổng tài sản						135.436.789.819
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	7.587.436.231	4.620.909.427	11.459.556.780	16.271.655.188	-	39.939.557.626
Phải trả tiền vay	7.350.000.000	1.400.000.000	-	-	-	8.750.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	6.819.256.927
Tổng nợ phải trả						55.508.814.553

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)*Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	64.771.340.861	43.106.874.928	2.907.164.503	8.528.053.055	333.099.320	119.646.532.667
Doanh thu giữa các bộ phận	20.486.467.575	-	-	-	-	20.486.467.575
Doanh thu	85.257.808.436	43.106.874.928	2.907.164.503	8.528.053.055	333.099.320	140.133.000.242
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	232.650.840	(2.306.943.750)	824.769.738	(47.969.009)	86.586.689	(1.210.905.492)
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	-	20.536.290
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	(333.480.674)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	82.991.392
Lợi nhuận trong năm						(1.440.858.484)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	4.782.118.848	37.310.051.453	-	640.933.742	2.300.469.994	45.033.574.037
Xây dựng cơ bản dở dang	-	3.135.026.514	-	-	-	3.135.026.514
Các khoản phải thu	4.392.676.941	6.687.466.293	4.651.534.090	12.812.761.258	81.300.000	28.625.738.582
Hàng tồn kho	2.517.393.852	1.315.060.425	8.038.700.113	8.469.160.106	2.910.510	20.343.225.006
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	27.095.684.311
Tổng tài sản						124.233.248.450
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	6.977.173.370	4.877.549.991	11.210.151.725	18.574.894.752	-	41.639.769.838
Phải trả tiền vay	-	3.500.000.000	-	-	-	3.500.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	4.505.175.538
Tổng nợ phải trả						49.644.945.376

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

6.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)*Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	68.730.097.884	36.684.824.178	-	8.193.094.293	84.818.184	113.692.834.539
Doanh thu giữa các bộ phận	18.722.723.065	-	-			18.722.723.065
Doanh thu	87.452.820.949	36.684.824.178	-	8.193.094.293	84.818.184	132.415.557.604
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	4.500.000	(3.644.583.229)	-	(323.368.759)	67.313.711	(3.896.138.277)
Lãi tiền gửi	-	-	-		-	18.430.144
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-		-	(385.777.203)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-		-	-
Lợi nhuận trong năm						(4.263.485.336)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.133.834.906	1.813.863.733
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.330.798.721	17.663.489.480
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	16.464.633.627	19.477.353.213

Công nợ tài chính

Các khoản vay	3.500.000.000	6.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	13.865.450.105	14.810.508.731
Chi phí phải trả	460.037.081	12.527.777
Tổng cộng	17.825.487.186	21.323.036.508

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.133.834.906	-	2.133.834.906
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng phải thu khác	14.330.798.721	-	14.330.798.721
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.813.863.733	-	1.813.863.733
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng phải thu khác	17.663.489.480	-	17.663.489.480
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09a - DN/HN

6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 02A/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

06 tháng năm 2013

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác*Đơn vị tính: đồng*

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác	
				Tổng số	Trong đó			
					Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức lợi nhuận đã nhận		
A	B	C	1	2	3	4	5	
1	11050000	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	18.718.114.867					
2	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	2.798.997.870					
3	11059000	Công ty LD hoá chất PTN	75.710.250					
4	11024000	Công ty CP hoá dầu Petrolimex	563.471.250					
5	11005800	Công ty XD B12-Cảng dầu B12	315.111.600					
6	11010000	Công ty XD Thanh hoá	8.119.753.278					
7	11006000	Công ty XD Bắc Sơn(Hà Bắc)	3.353.630.644					
8	11001500	CNXDBắc Ninh-CTXD khu vực 1	2.092.190.580					
		Tổng cộng	36.036.980.339				0	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 03A/HN-CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

06 tháng năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp, phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	1	2	3	4
		I/ Giá trị hàng mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	3.810.793.136	812.980.681	117.176.400	
		II/ Giá trị hàng mua nội bộ trong kỳ	85.057.772.777	1.201.015.870	290.642.440	
1	11003000	Công ty xăng dầu khu vực 3	81.313.398.377	0	0	
2	11024200	Chi nhánh hoá dầu Hải phòng	0	1.201.015.870	0	
3	1105690	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải phòng	0	0	290.642.440	
4	11005000	Công ty XD B12	3.744.374.400			
		III/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	85.536.247.442	1.336.927.088	338.676.084	
		IV/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	3.332.318.471	677.069.463	69.142.756	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 04A/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2013***Đơn vị tính: đồng*

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ, ký cược	Cho vay nội bộ
A	C	D	1	2	3	4	5	6
		Phần I: Nợ ngắn hạn	3.194.818.893			0		
1	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	571.239.119					
2	11005800	Công ty XD B12-Cảng dầu B12	69.200.505					
3	11010000	Công ty XD Thanh hoá	1.528.336.082					
4	11006000	Công ty XD Bắc Sơn(Hà Bắc)	461.959.638					
5	11001500	Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	564.083.549					
		Phần II: Nợ dài hạn						

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 05A/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2013***Đơn vị tính: đồng*

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả, phải nộp khác	Nhận ký quỹ, ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	C	B	1	2	3	4	5	6
		Phần I: Ngắn hạn	9.289.742.851	1.844.690.629		0		
1	11050000	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	0	1.844.690.629				
2	11024200	Chi nhánh hoá dầu Hải phòng	1.370.986.729					
3	11001000	Công ty XD khu vực 1	2.156.234.200					
4	11003000	Công ty XD khu vực 3	3.008.029.639					
5	11001700	Tổng kho xăng dầu Đức Giang	285.431.839					
6	1105690	Công ty TNHH gas Petrolimex HP	150.248.604					
7	11005000	Công ty XD B12	2.318.811.840					
		Phần II: Dài hạn						

*Hải Phòng, Ngày 05 tháng 8 năm 2013***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Phạm Kim Anh****Phạm Thị Ngọc Anh****Nguyễn Trọng Thủy**